

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 167/2019/HS-ST

Ngày: 29 - 11 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Trường – Phó Chủ tịch Hội nông dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Ông Lê Ngọc Sử - Nguyên bí thư Đoàn thanh niên xã Tân Thành, thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 27 và 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 166/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Phước K, sinh năm 1990 tại Bình Phước, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 8, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Phúc G, sinh năm 1945 và bà Lê Thị M, sinh năm 1952, bị cáo có vợ là chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1995 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến ngày 24/7/2019 được tại ngoại.

2. Nguyễn Thị K, sinh năm 1985 tại Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị X, sinh năm 1965; bị cáo có chồng là anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến ngày 24/7/2019 được tại ngoại.

3. Phạm Thế A (tên gọi khác: C), sinh năm 1978 tại Hải Phòng, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 4, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Thế V, sinh năm 1936 và bà Chu Thị N, sinh năm 1948; bị cáo có vợ là chị Trần Thị Kiều T, sinh năm 1984 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến ngày 24/7/2019 được tại ngoại.

4. Tống Văn Đ, sinh năm 1980 tại Thừa Thiên Huế, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Tống Văn N, sinh năm 1954 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1954 bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1985 và 01 người con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến ngày 24/7/2019 được tại ngoại.

5. Huỳnh Trung K (tên gọi khác: T), sinh năm 1981 tại Bình Dương, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Cạo mủ; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1954 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là chị Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1982 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến ngày 24/7/2019 được tại ngoại.

6. Vũ Văn C, sinh năm 1965 tại Thái Bình, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Văn R (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); bị cáo có vợ là chị Hoàng Thị T, sinh năm 1968 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 29/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng.

Ngày 29/02/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (Tại Bản án số 08/2008/HSST ngày 29/02/2008)

Ngày 22/5/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 11 tháng 24 ngày, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/5/2012) (Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 79/2012/HSST ngày 22/5/2012).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến ngày 31/10/2019 được tại ngoại.

7. Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 tại Campuchia, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết), bị cáo có vợ là chị Trần Thị Cẩm X, sinh năm 1983 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 30/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng (Tại Bản án số 72/2006/HSST ngày 30/11/2016)

Ngày 20/02/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung 25.000.000 đồng (Tại Bản án số 10/2012/HSST ngày 20/02/2012).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 15/7/2019 đến ngày 31/10/2019 được tại ngoại.

8. Nguyễn Thành Đ (tên gọi khác: T), sinh năm 1976 tại Tây Ninh, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố ấp 3, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Vũ Thị X (đã chết), bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Trần Thị T, sinh năm 1980 (chưa đăng ký kết hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011;

Tiền án 01: Ngày 24/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” (tại Bản án hình sự phúc thẩm số 54/2013/HSPT ngày 24/12/2013); tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 12/5/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/12/2008) (Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 55/2009/HSPT ngày 12/5/2009). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến ngày 31/10/2019 được tại ngoại.

9. Trần Văn L, sinh năm 1974 tại Hải Phòng, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Phạm Thị C, sinh năm 1937, bị cáo có vợ là chị Trần Thị H, sinh năm 1982 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 14/3/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là Thành phố Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến ngày 31/10/2019 được tại ngoại.

10. Lê Việt T (tên gọi khác: T), sinh năm 1974 tại Thừa Thiên Huế, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp:

Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Phú T, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947, bị cáo có vợ là chị Châu Thị Kiều M, sinh năm 1994 và 01 người con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 11/12/2006, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (Tại Bản án số 65/2006/HSST ngày 11/12/2006).

Ngày 27/3/2009, bị Tòa án nhân dân huyện tỉnh Bình Phước xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” (Tại Bản án số 24/2019/HSPT ngày 27/3/2009), Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến ngày 31/10/2019 được tại ngoại.

11. Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 04/12/2002 tại Bình Phước, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Viết T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966, bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (mẹ ruột của bị cáo L) “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L:

Ông Nguyễn Minh Đ, Luật sư Văn phòng luật sư Đăng Minh Bình Phước, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Cẩm X, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Chị Võ Thị Kim Á, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk “vắng mặt”.

Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Ông Đỗ Hữu C, sinh năm 1966; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 01, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương “vắng mặt”.

Anh Lê Việt Anh T, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương “vắng mặt”.

Chị Châu Thị Kiều M, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp R, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/3/2019 Nguyễn Thị H thuê lại quán của ông Nguyễn Thanh T, thuộc khu phố T, phường T, thành phố Đ để kinh doanh ăn uống, đặt tên quán là “S” và cùng với chị gái Nguyễn Thị K cùng nhau kinh doanh quản lý quán. Quá trình kinh doanh K có quen biết với một số người và qua nói chuyện thì những người này hỏi xin K địa điểm Đ đánh bạc thì K đồng ý.

Khoảng 14 giờ ngày 15/7/2019 khi K đang ở tại quán thì Lê Phước K gọi điện thoại cho K hỏi có ai chơi đánh bạc không. Sau đó Nguyễn Thị K gọi điện cho Trần Văn L rủ L đến quán “S” để đánh bạc thì L đồng ý, còn K đi giải quyết công việc cá nhân. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Phước K nảy sinh ý định đến quán “S” để tổ chức đánh bạc thu tiền xâu nên rủ Huỳnh Trung K đi cùng thì K đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 93P1 – 880.66 chở Phước K đến quán “S”. Trên đường đi cả hai gặp Nguyễn Văn C cũng đang trên đường đến quán “S” nên rủ chơi cùng, khi này Trần Văn L cùng với Nguyễn Thị Cẩm L cũng đi xe Taxi đến quán “S” Đ chơi đánh bạc. Tại đây tất cả đi vào phòng ngủ ở khu vực phía sau nhà bếp để chơi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Lê Phước K lấy bộ dụng cụ chơi xóc đĩa gồm đĩa sứ, chén sứ và các con vị hình tròn được cắt ra từ các lá bài tây để trong cặp màu đen (cặp này do Phước K mang đến trong lần chơi đánh bạc trước đây tại quán) ra cùng nhau chơi đánh bạc, L là người đứng ra làm cái, còn những người khác đặt cược. Một lúc sau khi Nguyễn Thị K đi về thấy mọi người đang chơi đánh bạc nên cũng vào tham gia chơi cùng. Sau đó có thêm Vũ Văn C, Phạm Thế Anh, Tống Văn Đ, Nguyễn Thành Đ và hai người phụ nữ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến quán tham gia chơi đánh bạc. Tiếp theo có Lê Viết T đi cùng với Châu Thị Kiều M cũng đến quán Đ chơi đánh bạc. Khi Phạm Thế A đến thì xin mọi người lắc cái nhưng được khoảng 10 ván thì thua hết tiền nên chỉ lắc Đ cho mọi người chơi. Còn đối với C và T không tham gia đặt cược mà chỉ làm cái “Sam cô” để cho ai nhu cầu đặt “Sam cô” thì đặt. Trong lúc những người này chơi, Lê Phước K không tham gia đặt cược mà chỉ đi thu tiền xâu, từ lúc tham gia đánh bạc đến khi bị bắt Phước K thu được 04 lần tiền xâu với số tiền khoảng 800.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày khi các đối tượng đang chơi đánh bạc thì bị lực lượng Công an thành phố Đ kết hợp với Công an phường T, thành phố Đ đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 36.350.000 đồng cùng các dụng cụ để chơi đánh bạc.

Về hình thức và cách chơi “xóc đĩa” như sau:

Sử dụng 04 con vị hình tròn có đường kính 02cm được cắt ra từ các lá bài tây, mỗi con vị có 02 mặt xanh và trắng. Sau đó nhà cái bỏ 04 con vị vào đĩa và lấy chén úp lại để lắc. Nếu kết quả ra 04 mặt xanh, 04 mặt trắng hoặc 02 mặt xanh, 02 mặt trắng gọi là chẵn. Nếu kết quả ra 01 mặt xanh, 03 mặt trắng hoặc ngược lại 03 mặt xanh, 01 mặt trắng gọi là lẻ. Căn cứ vào chẵn lẻ như trên thì các con bạc đặt vào ô chẵn lẻ tùy ý, nếu con bạc đặt cược trùng với kết quả nhà cái lắc ra thì sẽ thắng với số tiền đặt cược, còn không trùng thì sẽ thua hết số tiền đặt cược.

Đối với làm cái “Sam cô” thì chỉ lấy các kết quả sau: 03 mặt trắng, 01 mặt xanh hoặc ngược lại; 04 mặt trắng hoặc 04 mặt xanh. Đồng thời sử dụng 04 lá bài tây tương đương với các kết quả trên để người chơi tham gia đặt cược. Nếu kết quả mà ra 03 mặt thì ăn gấp 2,5 số tiền cược; ra 04 mặt thì ăn gấp 09 lần số tiền cược, còn nếu không trùng sẽ thua hết số tiền đặt cược.

Quá trình điều tra đã xác định số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 49.390.000 đồng, trong đó thu giữ tại chiếu bạc là 36.350.000 đồng và thu giữ số tiền trên người các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 13.040.000 đồng, cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Thị K mang theo số tiền 63.100.000 đồng, sử dụng số tiền 3.100.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc và thắng số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo Phạm Thế A sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc và thua hết số tiền trên. Bị cáo Huỳnh Trung K sử dụng số tiền là 280.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc, sau đó mượn của Lê Phước K số tiền 500.000 đồng để chơi tiếp và thua hết 700.000 đồng. Bị cáo Tống Văn Đ sử dụng số tiền 8.060.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc và thua 2.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L mang theo số tiền 7.600.000 đồng, sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc và thua số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn C mang theo số tiền 31.500.000 đồng, sử dụng số tiền 500.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc và thắng số tiền 100.000 đồng. Bị cáo Vũ Văn C mang theo số tiền 40.000.000 đồng, sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc và thua số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thành Đ mang theo số tiền 47.000.000 đồng, sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc và thua hết. Bị cáo Trần Văn L mang theo số tiền 13.000.000 đồng, sử dụng số tiền 4.000.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc và thua số tiền 3.800.000 đồng. Bị cáo Lê Viết T mang theo và sử dụng số tiền 500.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc và thắng số tiền 100.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị K số tiền 63.100.000 đồng, của Lê Phước K số tiền 46.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo, 01 xe mô tô biển số 93P1-880.66; của Phạm Thế A 01 xe mô tô biển số 61B1-644.43; của Trần Văn L số tiền 9.200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; của Lê Viết T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng, 01 xe mô tô biển số 93P2-033.45; của Huỳnh Trung K số tiền 80.000 đồng, 02 điện thoại di động hiệu Nokia; của Tống Văn Đ số tiền 6.060.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo; của Nguyễn Thành Đ số tiền 44.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia; của Vũ Văn C số tiền 37.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 xe mô tô biển số 93M1-057.61; của Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 6.600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xmas và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; của Nguyễn Văn C số tiền 31.600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung

S9 và 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 xe mô tô biển số 61F-271.85; của chị Châu Thị Kiều M số tiền 14.580.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo; 01 xe mô tô biển số 93P1-107.56 hiệu Honda Wave màu đỏ đen.

Quá trình điều tra đã xác định được số tiền mà các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các bị cáo như sau: Trả cho bị cáo Nguyễn Thị K số tiền 60.000.000 đồng; Trả cho bị cáo Lê Phước K số tiền 46.000.000 đồng; Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 5.600.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xmas; Đối với số tiền 44.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định đây là số tiền của chị Võ Thị Kim Á (vợ) đưa cho bị cáo Nguyễn Thành Đ đi chữa bệnh; Đối với số tiền 31.000.000 đồng và 01 ĐTDĐ Samsung S9 quá trình điều tra xác định đây tài sản của chị Trần Thị Cẩm X (vợ của bị cáo Nguyễn Văn C); Đối với số tiền 9.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định đây là số tiền của chị Trần Thị H (vợ bị cáo Trần Văn L) và số tiền 35.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định đây là số tiền của chị Hoàng Thị T (vợ bị cáo Vũ Văn C) nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Á, chị X, chị T và chị H. Đối với số tiền 14.580.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Châu Thị Kiều M nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị My.

Đối với xe mô tô biển số 93P1 – 880.66 thu giữ của bị cáo Lê Phước K, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Huỳnh Thị H nên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H; Đối với xe mô tô biển số: 93P2 – 033.45 thu giữ của bị cáo Lê Viết T quá trình điều tra đã xác định là tài sản hợp pháp của anh Lê Việt Anh T nên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh T; Đối với xe mô tô biển số: 61B1 – 644.43 thu giữ của bị cáo Phạm Thế A quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Đỗ Hữu C nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho ông C.

Tại bản cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lê Phước K về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thị K, Phạm Thế A, Huỳnh Trung K, Tống Văn Đ, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn C, Trần Văn L, Nguyễn Thành Đ và Lê Viết T bị truy tố về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Phước K số tiền 50.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K số tiền 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Trung K số tiền 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thế Anh số tiền 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tống Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 99 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 10.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Viết T 03 tháng 19 ngày tù. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L 03 tháng 19 ngày tù. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 tháng 19 ngày tù. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn C 03 tháng 19 ngày tù. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu giữ tại chiếc bạc và trên người các bị cáo được chứng minh các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 49.390.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1114 màu đen 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1190 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Oppo.

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng thu giữ hiện không còn giá trị sử dụng gồm: 01 tấm mền hoa văn xám vàng, 01 đĩa sứ; 02 chén sứ màu trắng, 04 lá bài tây, 08 con vị hình tròn có hai mặt màu trắng, màu xanh (được cắt từ các lá bài tây); 01 cái cặp da màu đen bên trong có 01 cây kéo và 02 bộ bài tây.

Trả lại cho bị cáo Tống Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu Oppo; trả lại cho bị cáo Vũ Văn C xe mô tô biển số 93M1-057.61; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C xe mô tô biển số 61F-271.85 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1187 màu đen; trả lại cho bị cáo Lê Viết T 01 điện thoại Nokia 3310 màu trắng đục; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L 01 điện thoại Nokia 969 màu đen; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành Đ 01 điện thoại Nokia 1208 màu đen-xám; trả lại cho bị cáo Huỳnh Trung K 02 điện thoại Nokia 1202 màu xám xanh;

Đối với 01 xe mô tô biển số 93P1-107.56 quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chưa xác minh được chủ sở hữu hợp pháp nên đề nghị

Hội đồng xét xử tiếp tục đề Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ điều tra, làm rõ để có căn cứ xử lý theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L: Thống nhất với tội danh mà bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố đối với bị cáo L và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, số tiền tham gia đánh bạc không lớn, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất dưới khung hình phạt.

Các bị cáo Lê Phước K, Nguyễn Thị K, Phạm Thế A, Huỳnh Trung K, Tống Văn Đ, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn C, Trần Văn L, Nguyễn Thành Đ và Lê Viết T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét L khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp nhau, phù hợp với L khai của người làm chứng; phù hợp với kết luận điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ tài sản, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn thu lợi bất chính bằng việc cho các đối tượng đánh bạc dùng địa điểm là quán “Sen Việt” của chị Nguyễn Thị K chơi đánh bài và chuẩn bị các vật dụng cho 10 người chơi đánh bạc Đ thu tiền xâu nên khoảng 14 giờ ngày 15/7/2019 Lê Phước K đã tổ chức để Nguyễn Thị K, Phạm Thế A, Huỳnh Trung K, Tống Văn Đ, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn C, Trần Văn L, Nguyễn Thành Đ và Lê Viết T chơi đánh bạc dưới hình thức chơi sóc đĩa thắng thua được bằng tiền với tổng số tiền 49.390.000 đồng thì bị lực lượng Công an thành phố Đ bắt quả tang thu giữ.

[3] Căn cứ vào hành vi của bị cáo Lê Phước K thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thị K, Phạm Thế Anh, Huỳnh Trung K, Tống Văn Đ, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn C, Trần Văn L, Nguyễn Thành Đ và Lê Viết T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Do số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 49.390.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo bị cáo Nguyễn Thị K, Phạm Thế Anh, Huỳnh Trung K, Tống Văn Đ, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn C, Trần Văn L, Nguyễn Thành Đ và Lê Viết T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Phước K do bị cáo chuẩn bị địa điểm, vật dụng Đ đánh bạc và đứng ra tổ chức cho 10 người chơi đánh bạc nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

[4] Các bị cáo là người đã thành niên, khi sử dụng địa điểm, chuẩn bị công cụ phương tiện cho các con bạc chơi đánh bạc và thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thắng thua được bằng tiền các bị cáo hoàn toàn nhận thức được đó là hành vi phạm tội và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mong muốn có tiền một cách nhanh chóng mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của khu dân cư. Hành vi đó còn là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm chiếm đoạt tài sản để có tiền đánh bạc nên cần xử các bị cáo một mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Do đây là vụ án đồng phạm nên cần phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo để có cơ sở khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Lê Phước K: Khi biết các đối tượng có nhu cầu chơi đánh bạc thì bị cáo đã liên hệ với bị cáo K để lấy địa điểm cho các bị cáo chơi đánh bạc, bị cáo đã chuẩn bị các công cụ, phương tiện là mền, đĩa sứ, lá bài tây, con vị ...và thu lợi bất chính số tiền tiền xâu 800.000 đồng nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo có 01 tiền án: Ngày 24/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Vũ Văn C, Trần Văn L đã sử dụng số tiền 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng Đ chơi đánh bạc, đây là số tiền lớn so với các bị cáo khác, bản thân các bị cáo có nhân thân xấu nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Viết T đã sử dụng số tiền 500.000 đồng để chơi đánh bạc, đây là số tiền nhỏ so với các bị cáo khác, tuy nhiên bản thân các bị cáo

có nhân thân xấu nên cũng cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Tống Văn Đ và Nguyễn Thị K sử dụng số tiền 3.100.000 đồng đến 8.060.000 đồng để đánh bạc, đây là số tiền lớn nên cũng cần mức hình phạt tương xứng với các bị cáo.

Đối với bị cáo Huỳnh Trung K, Phạm Thế A và Nguyễn Thị Cẩm L sử dụng số tiền 280.000 đồng đến 2.000.000 đồng để chơi đánh bạc nên cần có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo.

Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo Nguyễn Thị K, Huỳnh Trung K, Tống Văn Đ, Phạm Thế A, Nguyễn Thị Cẩm L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; số tiền tham gia đánh bạc không lớn, bị cáo L khi phạm tội là người chưa thành niên, bị cáo Vũ Văn C gia đình có công với cách mạng, bị cáo Lê Phước K có hoàn cảnh gia đình khó khăn, còn con nhỏ, bị cáo C hiện đang điều trị bệnh nặng, các bị cáo L, T, K, Đ quá trình sinh sống tại địa phương đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Do vậy các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn L, Nguyễn Thành Đ, Lê Viết T, Lê Phước K, Vũ Văn C được áp dụng tình tiết giảm nhẹ s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị K, Huỳnh Trung K, Tống Văn Đ, Phạm Thế A được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 của Bộ luật Hình sự;

Xét bị cáo Lê Phước K có nhiều tình tiết giảm nhẹ; phạm tội lần đầu; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, số tiền thu lợi bất chính không lớn. Do đó không cần thiết phải cách L bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo về địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu giữ tại chiếc bạc và trên người các bị cáo được chứng minh các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 49.390.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1114 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1190 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Oppo.

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng thu giữ hiện không còn giá trị sử dụng gồm: 01 tấm mền hoa văn xám vàng, 01 đĩa sứ; 02 chén sứ màu trắng, 04 lá bài tây, 08 con vị hình tròn có hai mặt màu trắng, màu xanh (được cắt từ các lá bài tây); 01 cái cặp da màu đen bên trong có 01 cây kéo và 02 bộ bài tây.

Trả lại cho bị cáo Tống Văn Đ 01 điện thoại Oppo; trả lại cho bị cáo Vũ Văn C xe mô tô biển số 057.61; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C xe mô tô biển số 61F-271.85 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1187 màu đen; trả lại cho bị cáo Lê Viết T 01 điện thoại Nokia 3310 màu trắng đục; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L 01 điện thoại Nokia 969 màu đen; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành Đ 01 điện thoại Nokia 1208 màu đen-xám; trả lại cho bị cáo Huỳnh Trung K 02 điện thoại Nokia 1202 màu xám xanh;

Đối với 01 xe mô tô biển số 93P1-107.56, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đang xác minh chủ sở hữu để có căn cứ xử lý sau theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Phước K phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Nguyễn Thị K, Phạm Thế Anh, Huỳnh Trung K, Tống Văn Đ, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn C, Trần Văn L, Nguyễn Thành Đ và Lê Viết T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 03 tháng 19 ngày tù (bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam). Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành Đ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Viết T 03 tháng 19 ngày tù (bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam). Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bổ sung bị cáo Lê Viết T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn C 03 tháng 19 ngày tù (bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam). Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bổ sung bị cáo Vũ Văn C số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L 03 tháng 19 ngày tù

(bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam). Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bổ sung bị cáo Trần Văn L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 tháng 19 ngày tù (bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam). Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn C số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Phước K 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bổ sung bị cáo Lê Phước K số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Tuyên giao bị cáo Lê Phước K cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Trung K 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tống Văn Đ 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thế A 30.000.000 đồng

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 99 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L 10.000.000 đồng.

3. Về vật chứng của vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 49.390.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1114 màu đen, đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1190 màu đen, đã cũ, không lên

nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong và 01 điện thoại Oppo đã cũ, không lên nguồn không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

Tịch thu tiêu hủy 01 tấm mền hoa văn màu xám vàng đã cũ; 01 đĩa sứ đã bị bể; 02 chén sứ màu trắng; 04 lá bài tây; 08 con vị hình tròn; 01 cái cặp da màu đen; 01 cây kéo và 02 bộ bài tây.

Trả lại cho bị cáo Tống Văn Đ 01 điện thoại Oppo đã cũ, không lên nguồn không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; trả lại cho bị cáo Vũ Văn C 01 xe mô tô biển số 93M1-057.61 (không dè, không bùng, không kiếng chiếu hậu và chìa khóa, không kiểm tra được số khung, số máy vì xe cũ, mờ không thấy rõ); trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C xe mô tô biển số 61F-271.85 (không dè, không bùng, không kiếng chiếu hậu và chìa khóa, không kiểm tra được số khung, số máy vì xe cũ, mờ không thấy rõ) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1187 màu đen, đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; trả lại cho bị cáo Lê Viết T 01 điện thoại Nokia 3310 màu trắng đục đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L 01 điện thoại Nokia 969 màu đen đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành Đ 01 điện thoại Nokia 1208 màu đen-xám đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; trả lại cho bị cáo Huỳnh Trung K 02 điện thoại Nokia 1202 màu xám xanh đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001750, Liên 01 lưu tại cuốn ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phước K, Thế A, Đ, K, K, C, C, Đ, L, T, L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

Lê Văn An